TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2025/QĐST- DS	*Ninh Bình, ngày 29 tháng 08 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 08 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLST - DS ngày 05 tháng 05 năm 2025 (của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình cũ).

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1950 và bà Dương Thị C, sinh năm 195. Địa chỉ: xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình (Trước đây là xóm G, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình)

2. Bị đơn:

- Ông Phạm Văn N, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1958. Địa chỉ: xóm H, xã B, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình)

- Ông Vũ Văn V, sinh năm 1961 và bà Trần Thị C1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm D, xã Q, tỉnh Ninh Bình (Trước đây là xóm D, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình)

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1966 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là xóm G, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình)

- Ông Trần Cao K, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là xóm G, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình)

- Anh Trịnh Văn V1, sinh năm 1982 và chị Vũ Thị N1, sinh năm 1983. Địa chỉ: xóm D, xã Q, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là xóm D, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Giao cho vợ chồng ông Trần Văn T và bà Dương Thị C quyền sử dụng thửa đất số 411, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã C cũ, nay là tờ bản đồ số 125 bản đồ địa chính xã B. Có diện tích là 48,8m^2 đất bao gồm 30m^2 đất ở nông thôn và 18,8m^2 đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất tại xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Có sơ đồ thửa đất kèm theo.

2.2. Giao cho vợ chồng Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T1 quyền sử dụng thửa đất số 198, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã C cũ, nay là tờ bản đồ số 125 bản đồ địa chính xã B. Có diện tích là 67,5m^2 đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất tại xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Có sơ đồ thửa đất kèm theo.

2.3. Giao cho vợ chồng ông Vũ Văn V và bà Trần Thị C1 quyền sử dụng thửa đất số 127, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã C (cũ), nay là tờ bản đồ số 125 bản đồ địa chính xã B. Có diện tích là 94,2m^2 đất bao gồm 60m^2 đất ở nông thôn và 34,2m^2 đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất tại xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Có sơ đồ thửa đất kèm theo.

2.4. Giao cho vợ chồng anh Trịnh Văn V1 và chị Vũ Thị N1 quyền sử dụng thửa đất số 126, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã C (cũ), nay là tờ bản đồ số 125 bản đồ địa chính xã B. Có diện tích là 48,1m^2 đất bao gồm 30m^2 đất ở nông thôn và 18,1m^2 đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất tại xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Có sơ đồ thửa đất kèm theo.

2.5. Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị Đ quyền sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã C cũ, nay là tờ bản đồ số 125 bản đồ địa chính xã B. Có diện tích là 777,8m^2 đất bao gồm 168,6m^2 đất ở nông thôn và 287,2m^2 đất trồng cây lâu năm; 187m^2 đất nuôi trồng thủy sản (TSN) và 135,0 đất lúa (LUC). Địa chỉ thửa đất tại xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Có sơ đồ thửa đất kèm theo.

2.6. Giao cho vợ chồng ông Trần Cao K và vợ là bà Nguyễn Thị H quyền sử dụng thửa đất số 128, tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã C cũ, nay là tờ bản đồ số 125 bản đồ địa chính xã B. Có diện tích là 639,9m^2 đất bao gồm 168,9m^2 đất ở nông thôn và 274,0m^2 đất trồng cây lâu năm, 194,0m^2 đất nuôi trồng thủy sản (TSN). Địa chỉ thửa đất tại xóm G, xã B, tỉnh Ninh Bình.

Có sơ đồ thửa đất kèm theo.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông vợ chồng Trần Văn T, bà Dương Thị C, vợ chồng ông Vũ Văn V, bà Trần Thị C1, vợ chồng ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T1. Do các ông, bà trên là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí, các ông bà đã có đơn xin miễn án phí.

Ông Trần Cao K và bà Nguyễn Thị H phải nộp 75.000 đồng án phí dân sự để nộp ngân sách nhà nước.

Anh Trịnh Văn V1 và chị Vũ Thị N1 phải nộp 75.000 đồng án phí dân sự để nộp ngân sách nhà nước.

Ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị Đ phải nộp 75.000 đồng án phí dân sự để nộp ngân sách nhà nước.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được ban hành theo quy định tại tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.
- Các đương sự;
- UBND xã B.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Khanh